

TÔNG CẢNH LỤC

QUYÊN 15

Hỏi: Đã bác địa phàm phu vị ngang bằng chư Phật, cố sao chẳng đầy đủ tác dụng thần thông như chư Phật?

Đáp: Chẳng phải không đầy đủ, chỉ vì chúng sanh không biết. Nên Tông Hoa Nghiêm nói: “Chư Phật chứng thể của chúng sanh, dùng dụng của chúng sanh”. Do đó, Hòa thượng Chí Công có bài ca rằng: Trời xế chưa tâm địa, nào từng an liễu nghĩa, văn tự nhà người có thân sơ, chớ khởi công phu cầu đích ý, mặc tình ngang dọc tuyệt húy kỵ, lớn tại nhân gian chẳng ở đời, vận dụng xưa nay trong thanh sắc, phàm chẳng rõ tranh làm kế”. Như có người học hỏi Hòa thượng Đại An rằng: “Thế nào là thần thông của chư Phật?” Hòa thượng Đại An bảo: “Ông từ xứ nào đến đây?” Người ấy đáp: “Từ Giang Tây đến đây?” Hòa thượng bảo: “hoàn toàn chẳng nói dối chăng?” Người ấy đáp: “Trợn không nói hư dối”. Và lại hỏi: “Thế nào là thần thông?” Hòa thượng bảo: “Quả nhiên là vọng ngữ”. Đó đều có thể nghiệm, đều là hằng ngày dùng hiện tiền mà không biết. Chư Phật đem nhân của ba đại thể tướng dụng chân như trong tâm chúng sanh làm quả của ba thân pháp báo hóa. Đâu có thể lại luận đầy đủ hay chẳng đầy đủ ư? Như nay nếu thật chưa tiến là chỉ chẳng phải sở sanh của sanh nhân, chỉ lại sở hiểu của liễu nhân. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Sanh nhân là như đất bùn làm bình. Liễu nhân như đèn soi chiếu vật, nếu đèn trí mới chiếu, phàm thánh nhất như, nếu ý giải quán đó, chân tục tự riêng biệt”, nhưng ở thế gian phần nhiều chấp sự tướng, mê mờ ở chân lý. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: “Giữ lấy tướng phàm phu, tùy cơ nghi giảng nói”. Trong kinh Kim Cang nói: “Chỉ người phàm phu tham trước việc đó”. Do đó tất cả các kinh luận đều phá các sự chấp sự tướng thân tâm v.v... của chúng sanh. Như trong phẩm Ly vi ở luận Bảo Tạng nói: “Phàm, kinh luận là không gì chẳng căn cứ phàm tình kia mà phá căn lượng kia, các thứ phương tiện đều chẳng trừ nơi hình sự. Nếu chẳng lường hình sự thì chẳng cần phải tất cả ngôn thuyết và dùng Ly vi vậy”. Nên trong kinh nói: “Tùy nghi

nói pháp, ý thú khó hiểu, tuy nói các thứ thừa đều là quyền tiếp phương tiện hỗ trợ đạo pháp vậy, nhưng chẳng phải cứu cánh giải thoát Niết-bàn. Như có người ở trong hư không vẽ các thứ sắc tướng và các thứ âm thanh, nhưng hư không kia thật không tướng khác, thọ nhập biến động nên biết chư Phật hóa thân và vì giảng nói pháp cũng lại như vậy. Ở trong thật tế đều không một khác. Do đó, trời đất nên lìa hư không nên nhỏ, muôn vật động tác biến hóa vô vi. Phàm, trong thân có trí, trong trí có thông. Thông có năm thứ, trí có ba thứ. Những gì là năm thứ thông? Một là đạo thông; hai là thần thông; ba là y thông; bốn là báo thông; năm là yêu thông. Yếu thông là Hồ ly già biến, cây đá tinh hóa, nương tựa người thần thông tuệ kỳ dị, đó gọi là yêu thông. Sao gọi là Báo thông? Quỷ thần nghịch biết, các trời biến hóa, trung ấm liễu sanh, rồng thần ẩn biến. Đó gọi là Báo thông. Sao gọi là y thông? Căn cứ pháp mà biết, duyên thân mà dụng, nương phù qua lại, bánh thuốc linh biến. Đó gọi là y thông. Sao gọi là thần thông? Tĩnh tâm chiếu vật, tức mạng nhớ giữ, các thứ phân biệt đều tùy định lực. Đó gọi là thần thông, sao gọi là đạo thông? Vô tâm ứng vật, duyên hóa vạn hữu, nước trắng hoa đốm hư không, ảnh tượng không chủ. Đó gọi là đạo thông. Những gì là ba thứ trí: Một là chân trí; Hai là nội trí; Ba là ngoại trí. Sao gọi là ngoại trí? Nghĩa là phân biệt tướng môn, biết rõ cảnh trần, rộng xem xưa nay đều thông việc tục. Đó gọi là ngoại trí. Sao gọi là nội trí? Tự giác vô minh, cắt đứt phiền não, tâm ý vắng lặng, diệt không có thừa. Đó gọi là nội trí. Sao gọi là chân trí? Rõ hiểu không vật, xưa nay vắng lặng, thông đạt không ngăn mé, sạch dơ không hai, nên gọi là chân trí. Chân trí đạo thông không thể đặt để tên gọi, ngoài ra các điều có đều là tà ngụy. Ngụy thì chẳng chân, tà thì chẳng chánh, hoặc loạn tâm sanh, mê mờ nơi bản tánh. Do đó hiểu sâu lìa nhỏ nhiệm, thấu đạt các hữu kia. Tự tánh vốn chân vượt ngoài các phẩm loại. Phàm trí có tà chánh. Thông có chân ngụy. Nếu chẳng phải pháp nhãn tinh minh thì khó thể biện rõ. Do đó trong thế tục phần nhiều tin theo tà ngụy, ít tin chánh chân. Đại giáo nếp hành, Tiểu thừa hiện dụng. Nên biết diệu lý khó hiển bày vậy. Trong Bách Trượng Quảng Ngữ nói: “Ứng vật tùy hình, biến hiện các thú, lìa ngã và ngã sở như thuộc tiểu dụng. Đó là gồm thâu trong môn Phật sự. Đại dụng là đại thân ẩn nơi không hình, Đại âm nếp nơi hiếm tiếng”. Cư sĩ Bàn Uẩn có kệ tụng rằng:

*“Người đời lắm trọng vàng,
Ta mến khoảnh khắc lắng.
Vàng nhiều loạn tâm người,*

*Lắng thấy tánh chân như.
 Tâm thông pháp cũng thông,
 Mười tám đoạn vết tích,
 Chỉ tự tâm vô ngại,
 Nào buồn thân chẳng thông”.*

Hiểu được như vậy mới vào trong Tông Kính, chỗ có việc làm đều vào luật hạnh, tự nhiên hoàn thành tất cả Phật sự. Như trong kinh Tịnh Danh Tư Ký nói: “Được vào luật hạnh, như chương Ưu-ba-ly, đó gọi là Phụng luật, đó gọi là Thiện giải, ngồi yên chẳng dùng, kinh doanh bày các thứ cúng dường mà thường làm Phật Phật sự, cầu trong tâm hành”. Trên đây, đều ước tánh dụng tâm thông, chẳng căn cứ sự giải. Hoặc các nhà chủ trương kiêm gần sự mà nói là, hoặc nói lý chúng sanh đầy đủ các Phật sự viên mãn, hoặc nói chúng sanh tại nhân chư Phật chứng quả. Hoặc nói chúng sanh là chỗ khách trần ngăn che. Chư Phật các thứ hiện đều hết. Hoặc nói chúng sanh bị vọng kiến cách biệt, chư Phật năm mất viên thông. Lại, Thiên thai giáo phần nhiều căn cứ Bản tích, nói rõ phàm thánh không hai, biện rành nhân quả của chúng sanh và Phật, nên Pháp sư Triệu nói: “Bản tích tuy khác, chẳng thể nghĩ bàn một”. Do đó, Tôn giả Trạm Nhiên căn cứ Tam quán, Tứ giáo, thập như, thập thừa, nhất niệm tam thiên v.v... ở trong Tích môn đây, luận bàn thập diệu đó. Nếu biết Tích môn còn diệu, Bản môn có thể biết, bèn gom được sắc tâm không hai v.v... cả mười môn, nói rõ tông của quyền thật, biện giải hóa của năng sở, nên nói: Bày thật làm quyền thì chẳng hai mà hai, mở quyền bày thật thì hai mà chẳng hai. Đó thì thủy chung rõ ràng không hai. Mười môn là: Một là môn sắc tâm không hai là, tạm như gương mười như, cho đến không Đế mỗi mỗi đều có hai ý tổng biệt. Tổng lại Nhất tâm, phân biệt sắc tâm. Tại sao? Mới đầu trong mười Như, tướng chỉ tại sắc, tánh chỉ tại tâm, thể lực làm duyên, nghĩa gồm sắc tâm. Nhân quả duy tâm, báo chỉ ước sắc. Mười hai nhân duyên, khổ nghiệp gồm cả hai. Hoặc chỉ tại tâm, tứ đế thì ba gồm sắc tâm, diệt chỉ tại tâm. Hai đế ba đế đều tục, đủ cả sắc tâm, chỉ tâm trong chân, một thật đế và không đế. Căn cứ đây có thể thấy, đã biết riêng biệt rồi, gồm riêng vào chung, tất cả các pháp không gì chẳng phải tâm tánh. Một tánh không tánh, ba ngàn rõ ràng. Phải biết sắc tâm của tâm, tức tâm gọi là biến, biến gọi là tạo tác, tạo tác nghĩa là thể dụng. Đó thì chẳng phải sắc chẳng phải tâm, mà là sắc mà là tâm, chỉ sắc chỉ tâm. Do vì ở đó nên biết chỉ biết một niệm thấy khắp ta người, chúng sanh và Phật, chúng sanh khác Phật khác còn cùng tâm đồng, hưởng gì chúng sanh và

Phật nơi tâm mình sao trái một niệm, nên kia, cảnh pháp kia sai mà chẳng sai. Hai là môn nội ngoại không hai là, phạm cảnh sở quán chẳng vượt trong ngoài. Ngoại nghĩa là giá y chánh kia, sắc tâm tức là không giả trung, tức không giả trung diệu nên sắc tâm thể tuyệt, chỉ một thật tánh không không giả trung, sắc tâm rõ ràng, chợt đồng chân tịnh, không lại chúng sanh bảy phương tiện khác, chẳng thấy cõi nước sạch dơ sai khác phẩm loại, mà y chánh lười trời Đế thích trọn tự sáng rõ. Gọi là nội, tức rõ bên ngoài sắc tâm một niệm không niệm, chỉ thể bên trong ba ngàn tức không giả trung, đó thì pháp ngoài toàn làm tâm tánh, tâm tánh không ngoài, nhiếp không đâu chẳng khắp. Mười phương chư Phật, pháp giới hữu tình, tánh thể không khác, tất cả đều khắp. Ai bảo nội ngoại sắc tâm ta người? Đó tức là Dụng hưởng môn sắc tâm không hai thành; Ba là, môn tu tánh không hai là, tánh đức chỉ là giới như một niệm, Nội giới đây như ba pháp đầy đủ. Tánh tuy vốn vậy, giá trí khởi tu, do tu chiếu tánh, do tánh phát tu, tại tánh thì toàn tu thành tánh, khởi tu thì toàn tánh thành tu. Tánh không chỗ đổi dời, tu thường rõ ràng. Tu lại có hai thứ; thuận tu và nghịch tu. Thuận nghĩa là rõ tánh làm hạnh, nghịch nghĩa là trái tánh thành mê. Mê rõ hai tâm, tâm tuy chẳng hai, thuận nghịch hai tánh, tánh sự luôn khác, có thể do sự chẳng đổi dời tâm, thì khiến mê tu thành rõ, nên phải một kỳ mê rõ chiếu tánh thành tu, thấy tánh tu tâm, hai tâm đều sạch. Lại, rõ thuận tu đối tánh có lìa có hợp. Lìa nghĩa là tu tánh, mỗi mỗi có ba, hợp nghĩa là tu hai tánh một. Tu hai; mỗi mỗi có ba cùng phát tánh ba, đó thì tu tuy đủ chín, chín chỉ là ba, vì đối tánh nói rõ tu nên hợp tu làm hai. Hai cùng một tánh như nước làm sóng. Hai cũng không hai, cũng không sóng nước. Nên biết tánh chỉ ba chướng, cho nên đầy đủ ba, tu từ tánh thành, thành ba pháp vậy. Đạt không tu tánh, chỉ một diệu thừa, không chỗ phân biệt, pháp giới rộng sáng. Đó, do môn nội ngoại không hai mà thành; Bốn là, môn nhân quả không hai là, tâm chúng sanh nhân đã đủ ba khuôn phép, nhân đây thành quả, gọi là ba Niết-bàn. Nhân quả không khác, thủy chung lý một. Nếu vậy, nhân đức đã đủ, sao chẳng trú nhân, chỉ do mê nhân, mỗi tự cho là thật. Nếu rõ mê tánh thật vì chỉ trú nhân. Lâu nghiên cứu nhân đây, nhân hiển bày gọi là quả, chỉ duyên một lý nhân quả, dùng một lý đây làm nhân, lý hiểu biết không gọi lại là quả, đâu có thể vẫn còn hiệu nhân. Nhân quả đã sạch, lý tánh tự quên, chỉ do quên trí thân sơ, cuối cùng khiến mê thành dày mỏng, mê dày mỏng nên cưỡng phân thành ba hoặc, nghĩa mở sáu tức gọi là trí cạn sâu nên như mê mờ lại thêm không ngấm lấm hoặc tuyệt, huyễn nhân đã đủ, gương tượng quả tròn,

không tượng tuy tức nghĩa đồng mà không hư tượng thật tượng thật, nên xưng lý vốn có, không hư nên mê chuyển thành tánh. Đó thì chẳng hai mà hai, lập nhân quả khác hai mà chẳng hai, thủy chung một thể. Nếu cho rằng nhân khác quả, nhân cũng chẳng phải nhân, hiệu quả từ nhân, nhân mới khác quả. Do đó, ba ngàn tại lý đồng gọi là vô minh. Ba ngàn quả thành đều xưng là thường lạc, ba ngàn vô ký, vô minh tức minh, ba ngàn đều thường đều thể đều dụng. Đó, do môn tu tánh không hai mà thành; Năm là, môn nhiệm tịnh không hai là, nếu biết vô thủy tức pháp tánh làm vô minh nên có thể rõ, nay vô minh làm pháp tánh. Pháp tánh đó cùng vô minh khắp tạo các pháp, gọi đó là nhiệm. Vô minh đó cùng pháp tánh khắp ứng các duyên, gọi đó là tịnh. Nước đục nước trong, sóng ướt không khác. Trong đục tuy tức do duyên mà đục thành vốn có, đục tuy vốn có mà toàn thể là trong. Vì lý hai sóng thông khắp thể là dụng. Ba ngàn nhân quả đều gọi là duyên khởi. Mê ngộ duyên khởi chẳng lìa sát-na, sát-na tánh thường duyên khởi lý một trong một lý mà phân nhiệm tịnh. Riêng biệt thì sáu dơ bốn sạch, thông đồng thì mười thông sạch dơ. Nên biết sát-na thể nhiệm đều tịnh. Ba ngàn chưa hiển bày, nghiệm thể vẫn mê, nên địa vị tương tự thành sáu căn khắp chiếu. Chiếu phân mười cõi, mỗi mỗi đầy đủ sáng rõ. Há người tịnh sáu căn cho rằng mười nhất định mười, phân chân duỗi vết mười cõi cũng vậy, cho đến quả thành v.v... trăm cõi kia, nên cần phải tâm mới đầu mà ngăn mà chiếu. Chiếu nên ba ngàn luôn đầy đủ, ngăn nên pháp ấy trong không, trọn ngày cả hai đều mất, trọn ngày cả hai đều chiếu, chẳng động niệm đây, khắp ứng vô phương, tùy cảm mà hành xử, tịnh uest đó sạch. Vì mất tịnh uest, lấy không lấy trung, nhưng do không trung chuyển nhiệm làm tịnh, do rõ nhiệm tịnh, không trung tự mất. Đó, do môn nhân quả không hai mà thành; sáu là, môn y chánh không hai là, đã chứng Giá-na thể không hai, do vì một niệm ba ngàn từ vô thủy, lấy hai ngàn sanh ấm trong ba ngàn làm chánh, cõi nước một ngàn thuộc y, y chánh đã ở nhất tâm. Nhất tâm đầu phân năng sở, tuy không năng sở mà y chánh rõ ràng. Đó thì lý tánh danh tự quán hạnh đã có tướng y chánh không hai, nên khiến tự tha, nhân quả gồm nhau, chỉ vì chúng sanh ở lý, quả tuy chưa biện, tất cả không gì chẳng là diệu cảnh Giá-na, nhưng phải lại rõ pháp thể chư Phật chẳng phải khắp cùng mà khắp cùng, lý tánh chúng sanh chẳng phải hạn cục mà hạn cục. Thủy chung không cải đổi, lớn nhỏ không phòng ngại. Lý nhân quả đồng, y chánh nào sai biệt. Nên cõi nước dơ sạch, tự thân hơn kém, trần thân và pháp thân lượng đồng. Cõi nước trần và tịch quang không khác. Đó thì mỗi mỗi cõi trần

tất cả cõi, mỗi mỗi thân trần tất cả thân. Rộng hẹp hơn kém khó nghĩ bàn, dơ sạch nơi chốn không cùng tận. Nếu chẳng phải ba ngàn không giả trung, sao có thể thành dụng tự tại đây. Như vậy mới biết chúng sanh và Phật ngang bằng, đây kia sự lý hỗ tương gồm thâu. Đó, do môn nhiệm tịnh không hai mà thành. Bấy là môn tự tha không hai là, tùy cơ lợi tha, sự mới nương cây gốc, gốc là một tánh, đầy đủ tự tha. Mới đến quả bị, tự tức lợi ích tha, như lý tánh ba đức ba đế ba ngàn, tự hành chỉ tại trong không. Lợi tha ba ngàn đến với vật. Vật có vô lượng, chẳng vượt ngoài ba ngàn. Năng ứng tuy nhiều chẳng vượt ngoài mười cõi. Mười cõi chuyển hiện chẳng vượt ngoài một niệm, cõi cõi qua lại sanh chẳng vượt ngoài Tịch quang, chúng sanh do lý đầy đủ ba ngàn nên hay cảm, chư Phật do ba ngàn lý đủ nên hay ứng. Ứng khắp có khắp, mừng vui đến chẳng sai, không như vậy đâu có thể, như gương hiện hình tượng, gương có lý của hiện hình tượng. Hình có tánh sanh tượng. Nếu một hình đối chẳng thể hiện tượng thì lý gương có cùng, hình sự chưa thông. Nếu cùng gương tượng cách biệt thì dung có lý đó. Không có hình đối mà chẳng ảnh tượng là, nếu gương chưa hiện hình do bụi trần ngăn che, dứt trừ bụi trần là do người lau chùi. Hiện hình chẳng liên quan đến lau chùi là, dùng thí dụ để quán pháp, ý chỉ lớn có thể biết. Nên biết, lý tuy tự tha đều đầy đủ, hẳn nhờ duyên rõ làm công lợi tha. Lại do duyên rõ cùng tánh một hợp mới có thể xứng tánh đặt bày muôn mối, thì chẳng khởi tự tánh, hóa không nơi chốn. Đó, do môn y chánh không hai mà thành; Tám là môn ba nghiệp không hai là môn hóa tha sự phân ba kín đáo, tùy thuận vật lý được danh chẳng đồng. Tâm luôn xét có, hai luân bày hóa, hiện thân nói pháp chưa từng sai mảy may, tại thân phân nơi chân ứng, tại pháp phân ở duyên thật. Hai thân nếu khác cố sao mới nói tức là pháp thân? Hai thuyết nếu trái cố sao mới gọi đều thành Phật đạo? Nếu chỉ pháp thân, nên không ứng hiện nơi đời, nếu chỉ Phật đạo, thiết bày ba thừa. Thân còn không thân, thuyết hẳn chẳng phải thuyết. Thân miệng bình đẳng bằng ý luân kia, tâm sắc nhất như chẳng mưu tính mà hóa, thường ngậm chí cực, ứng vật mà hành xử. Há chẳng phải trăm cõi một tâm, mỗi mỗi cõi không chẳng phải ba nghiệp. Cõi còn một niệm, ba nghiệp đâu khác. Quả dụng không khuyết, nhân hẳn xứng quả. Nếu tin nhân quả mới biết ba kín đáo vốn có. Trăm cõi ba nghiệp đều không giả trung, nên khiến xứng nghi khắp đến làm quả, mỗi mỗi ứng sắc, mỗi mỗi ngôn âm, không gì chẳng là trăm cõi ba nghiệp đầy đủ. Hóa lại làm hóa, đó gọi là ư? Nên một niệm tâm phàm đã có lý tánh ba tướng hải kín đáo. Một mảy trần báo sắc đồng tại lý gốc Tỳ-lô-giá-na,

mới gọi là ba không sai biệt, do môn tự tha không hai mà thành. Chín là môn nói rõ quyền thật không hai là, đại tuệ bình đẳng thường soi xét pháp giới, cũng do lý tánh chín quyền một thật. Thật lại chín cõi, quyền cũng lại vậy. Quyền thật cùng ngậm trăm cõi một niệm cũng chẳng thể phân biệt, mặc tình thường vậy. Đến quả mới do kế gốc một lý, chẳng phải quyền chẳng phải thật mà là quyền mà là thật. Đây tức như trước, tâm luân tự tại, cuối cùng khiến thân miệng đến cơ quyền thật. Ba nghiệp một niệm không trái quyền thật, chẳng động mà đặt bày, đâu nên cách biệt khác đối nổi, tức dùng quyền thật lập xưng tại thân, thì dùng chân ứng làm danh, ba nghiệp lý đồng, quyền thật ngậm hợp. Đó, do môn ba nghiệp không hai mà thành. Mười là môn thọ nhuận không hai là vật lý xưa nay tánh đủ quyền thật. Từ vô thủy huân tập hoặc quyền hoặc thật, quyền thật do huân tập thường luôn bình đẳng, gặp thời thành tập, nguyện hạnh làm vốn liếng. Nếu không nhân gốc, huân cũng nhọc bày, gặp huân tự khác chẳng phải do tánh khác. Tánh tuy không khác hẳn giá huyễn phát, huyễn cơ, huyễn cảm, huyễn ứng, huyễn đến. Năng hóa sở hóa đều chẳng phải quyền thật, nhưng do chúng sanh đầy đủ chẳng phải quyền chẳng phải thật, thành có quyền thật, Phật cũng quả đầy đủ, chẳng phải quyền chẳng phải thật, làm ứng quyền thật, vật cơ ứng hợp, thân cõi không thiên lệch, đồng thường tịch quang, không gì chẳng phải pháp giới. Nên biết ba ngàn đồng tại tâm địa cùng Phật tâm địa ba ngàn chẳng khác. Bốn vi thể đồng, quyền thật càng ngang bằng. Đó, do môn quyền thật không hai mà thành.

Trên đây đều là căn cứ lý sự quyền thật nhân quả năng sở v.v... mà giải thích. Đại khái hai môn lý sự chẳng phải một chẳng phải khác. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Có hai thứ môn: Một là tất cánh không; Hai là môn phân biệt tốt xấu”. Nay y cứ trong môn phân biệt thì lý là sở y làm gốc, sự là năng y làm ngọn. Lại, lý diệu khó biết là hơn, sự thô dễ thấy là kém. Như nay chỉ có thể theo hơn chẳng thể theo kém, chỉ được lý gốc, gốc lập mà đạo sanh, sự lý tự nhiên thành vậy. Lại, lý thật ứng cơ, vô ngại lý của sự. Sự nhân lý lập, không mất sự của lý. Như nay, người chẳng vào viên tín đều tự khinh bỉ là hạ phàm xa suy cực Thánh, đó là chẳng chỉ mất sự, lý cũng toàn không, chỉ ngộ tông của một tâm vô ngại tự tại, tự nhiên lý sự dung thông chân tục giao triệt. Nếu chấp sự mà mê lý, trọn kiếp trầm luân, hoặc ngộ lý mà bỏ sót sự, đó chẳng phải viên chứng. Tại sao? Lý sự chẳng vượt ngoài tự tâm, tánh tướng nào trái một yếu chỉ. Nếu vào tông kính chóng ngộ chân tâm, còn không văn chẳng phải lý chẳng phải sự, đâu có chấp hoặc lý hoặc sự,

chỉ được gốc đó sau cũng chẳng phế viên tu. Như có người học hỏi Hòa thượng Bản Tịnh rằng: “Sư lại có tu hành hay không?” Hòa thượng đáp: “Ta tu hành khác biệt ông. Ông trước tu mà sau ngộ, ta trước ngộ mà sau tu. Do vì nếu trước tu mà sau ngộ, đó thì công của có công, công kết quy về sanh diệt. Nếu trước ngộ mà sau tu, đó là công của không công, công chẳng hư bỏ”. Do đó, trong tín tâm minh, Đại sư Dung nói rằng: “Muốn được tâm tịnh, không tâm dụng công”. Lại như người đầy đủ mắt trí, đâu được đối sanh tham lam, hưởng hỗ trợ người mắt sáng, trọn chẳng rơi lạc nơi hầm hố, nếu những kẻ mù thiền tối chứng, sao biết lục tức, những hạng cuồng tuệ theo văn nào biết Nhất tâm. Như nay, chỉ trước khiến viên tín không nghi ngờ, tự ở nơi ngôi vị của quán hạnh. Người xưa nói: “Một đời có thể làm xong, đâu phải nói hư dối ư?” Cần kíp không thể mê tán theo tu, chấp quyền hại thật, bỏ gốc theo ngọn, nhận vọng bỏ sót chân, căn cứ danh ngôn của Thế đế, chấp huân tập từ vô thủy, đem ngôn từ định hẩn yếu chỉ, lập hiểu biết nói rõ tông, một hưởng hợp trần trái với Bản giác. Như người xưa nói: “Vọng tình dấy dẫn năm nào xong, cô phụ linh đài một điểm sáng”. Lại, Đại sư Chân Giác có bài ca rằng: “Giác tức xong chẳng bày công, tất cả pháp hữu vi chẳng đồng, trú tướng bố thí phước sanh trời, như giữa cung tên bắn hư không. Hết sức lực mũi tên rơi lại, chuốc chịu đời sau chẳng như ý, tranh tự vô vi thật tướng môn. Một vượt thẳng vào Như Lai Địa, chỉ được gốc chỗ buồn rầu ngọn, như lưu ly sạch ngậm báu trắng. Đã hay hiểu châu như ý đây, tự lợi lợi tha trọn không hết”. Vả lại như trong đời người có phước, đến trong kho báu được ma-ni. Pháp ấy dùng các thứ mài sữa, sau đó tự nhiên được mưa báu, hưởng là người ngộ tâm đặc đạo, cũng như vậy đã vào Phật vị, pháp ấy muôn hạnh trang nghiêm bi trí tương tục, như Bồ-tát Pháp Vân Địa thứ mười trong kinh Hoa Nghiêm, hưởng gì như châu đại ma-ni có mười thứ tánh. Trong phẩm Thập địa nói: “Phật tử! Thí như châu đại ma-ni có mười thứ tánh vượt quá các vật báu. Những gì là mười? Một là, từ trong biển lớn lưu xuất; Hai là, thợ khéo giỏi sữa làm; Ba là, tròn đầy không khuyết; Bốn là, trong sạch lia dơ; Năm là, trong ngoài sáng suốt; Sáu là, khéo léo đục xuyên; Bảy là, xâu thành chuỗi báu; Tám là, đặt để trên tràng lưu ly cao; Chín là, tỏa phóng khắp tất cả các thứ ánh sáng; Mười là hay tùy ý vua mưa các vật báu. Như tâm chúng sanh đầy đủ nguyện đó. Phật tử nên biết Bồ-tát cũng lại như vậy có mười thứ sự vượt hơn các Thánh. Những gì là mười? Một là, phát tâm Nhất thiết trí; Hai là, Trì giới đầu-đà chánh hạnh sáng sạch; Ba là, các Thiền Tam-muội viên mãn không khuyết; Bốn là, đạo

hạnh thanh bạch lia các dơ bẩn; Năm là, phương tiện thần thông trong ngoài sáng suốt; Sáu là, trí tuệ duyên khởi khéo hay đục xuyên; Bảy là, dùng các thứ phương tiện xâu làm chuỗi trí; Tám là, tôn trí trên tràng cao tự tại; Chín là Quán hạnh chúng sanh tỏa phóng ánh sáng văn trì; Mười là nhận chức Phật trí thuộc số Phật, hay vì chúng sanh rộng làm các Phật sự. Nên biết ngộ đạo như đượ châu, đâu không các việc giữa sửa trang nghiêm”.

Hỏi: Nếu chẳng đủ Thần biến thì lấy gì nhiếp hóa?

Đáp: Nếu thuần giữ lấy sự tướng thần thông, có trái với chân thú. Như trong Phụ Hành Ký nói: “Tu Tam-muội chợt phát thần thông, phải gấp dứt trừ đó. Vì pháp hữu lậu là hư vọng”. Nên trong chỉ quán nói: “Hay chướng ngại Bát-nhã. Tại sao? Chủng trí Bát-nhã tự đủ các pháp hay sạch các tướng, chưa đủ đã lại chỉ mở lý, nào phải sự thông, nếu chuyên ở thông, đó thì chướng lý. Lại, chẳng chỉ chướng lý, trái lại nhận chịu khuyết đó, như học trò của Uất-đầu thắng trí tức loại ấy vậy”. Phàm, nói chân thật thần biến là không gì chẳng phải diễn nói môn Nhất thừa, đàm bàn lý vô sanh. Một lời khế hợp đạo, đang sanh tử mà chứng Niết-bàn, mục kích minh Tông, tức trần lao mà thành Chánh giác, chỉ trong sát-na mà đổi Phàm làm Thánh, chỉ một khoảnh khắc mà biến có về không. Tác dụng như vậy, hà chẳng phải là Thần biến ư? Do đó, trong kinh Bảo Tích nói: “Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Phàm là nói pháp, làm Đại thần biến, nếu là người thuộc căn cơ hạ liệt, chư Phật dư tâm đại bi, chẳng khiến riêng bỏ. Một kỳ phương tiện, lá vàng ngưng khốc”. Như trong kinh Duy-ma nói: “Dùng thần thông chuyên hóa chúng sanh ngu si, nếu là hạng người thượng thượng căn chỉ khiến quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy”. Như xưa kia, có vua Bành Thành hỏi các Đại đức v.v... Quý nếu chứng quả tức được thành Thánh giả, cùng bên hông trái ta ra nước bên hông phải ra lửa, bay vọt giữa hư không, tỏa phóng ánh sáng động đất, Ta liền lễ bái người tôn xưng làm thầy. Đại sư Dung ở Ngưu Đầu đáp rằng: Lành thay! Tốt thay! Không thể nghĩ bàn, nay nếu trách ta chứng quả như vậy, sợ trái với đạo. Xét thành Phật như vậy, huyền sư cũng được làm Phật, tạm cùng các Đại đức và các Đại sĩ chứng là, xưa kia Đức Phật Thích-ca tu tập chúng tăng diễn nói đạo Vô thượng, cùng chư tăng không khác, Cư sĩ Duy-ma ở giữa thế tục nói quả giải thoát, cùng tục chẳng khác. Nữ nhân Thắng Man nói pháp Đại thừa, tướng người nữ chẳng đổi thay. Tỳ-kheo Thiện Tinh hành hạnh Xiển-đề, tăng tướng chẳng đổi. Đó là chánh căn cứ trong tâm đó, giải hiểu và chẳng giải

hiểu lấy làm sai cách, nào liên quan sắc thân nam nữ tướng mạo y phục tốt xấu. Nếu nói hình tùy chứng mà cải đổi, mạo theo ngộ mà chuyển thay là Thánh giả, thì Cù-đàm hình cải đổi mới thành Thích-ca, Duy-ma tướng đổi chuyển mới thành Kim Lật. Tức biết chứng là tâm chứng chẳng phải là hình chuyển đổi, ngộ là trí biến chẳng liên quan tướng khác. Thí như ở thế gian người nhậm quan chức, là chuyển đổi chức quan, quan cao đầu tức dáng mạo khác biệt. Lại, người xưa nói: “Chẳng cải đổi người thời xưa, chỉ cải đổi nơi giãm trái thời xưa. Giả sử hoặc cải hình đổi chất ngàn biến muôn hóa đều là chỗ làm của Nhất tâm, cho đến tác dụng thần thông, ra vào tự tại, đổi nhỏ khiến lớn, chuyển ngắn làm dài, đầu lia trong Nhất tâm, nên biết muôn sự không có gì chẳng do tâm, chỉ chứng tự tâm ngay lời nói ấy bèn thành Thánh, nếu không biết đạo đầy đủ tướng sao làm. Nên trong kinh Kim Cang nói: “Nếu người dùng ba mươi hai thông suốt để quán Như Lai, thì Chuyển luân thánh vương tức là Như Lai”. Lại có kệ tụng rằng:

*“Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Người đó hành tà đạo,
Chẳng thể thấy nghĩa”.*

Người xưa nói: “Nếu chẳng đạt lý đây, giả sử có từng bước đạp trên hoa sen, đó cũng chỉ đồng mà làm”. Cư sĩ Bàn Uẩn có kệ tụng rằng: “Sắc thanh cầu Phật đạo, kết quả lại thành ma”. Nếu quyết định giữ lấy thần thông tướng ưu thắng làm Phật, chẳng chỉ huyễn sĩ cũng thành Thánh, cho đến Thiên ma ngoại đạo yêu hồ tinh my Quỷ thần rồng sò v.v... thấy đều thành Phật. Vì các loài kia đều đủ nghiệp báo ngũ thông, đều có thể biến hóa, nếu chẳng mỗi một dùng thật tướng để khám xét đó, làm sao biện rành được chân ngụy. Chỉ trước ngộ tông kính mắt pháp tròn sáng, thì lý nào mà chẳng thông, sự nào mà chẳng triệt. Tất cả các môn Phật, sự nhiếp hóa tự nhiên thành tự. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: “Trong kinh nói nhập thiền định sâu được thần thông của Phật, vì tâm xứng lý nguyên, không thể vào ra, không thể tỉnh loạn, không tánh tạo tác, nhậm lý tự chân, không sanh không diệt, Lý chân trí ứng, tánh tự khắp cùng mười phương ba đời, đồng một lúc ứng khắp đối hiện sắc thân, tùy trí ứng mà hóa các phẩm loại mà không lai vãng, cũng chẳng biến hóa, đó gọi là thần thông của chư Phật. Trí không nương dừng, không hình không sắc, thể không khứ lai tánh tự khắp cùng, chẳng phải ba đời nhiếp mà hay ứng khắp pháp của ba đời, gọi đó là thần thông”. Cho nên trong kinh nói: “Trí vào ba đời

mà không qua lại, vì ba đời là chỗ vọng lập bởi chúng sanh tình chẳng phải thật có, vì trí thể không hình không sắc chẳng tạo chẳng tác mà ứng với các phẩm loại, gọi đó là thần, đầy đủ cả mười phương không pháp nào chẳng biết, không căn nào chẳng hay, gọi đó là thông”. Lại nói: “Trong kinh Pháp Hoa nói: Các thứ nghĩa tánh tướng, ta và mười phương Phật mới hay biết việc đó, Thanh văn và Duyên giác, các Bồ-tát Bất thối, đều chẳng thể biết được”. Đây tức là môn mà hàng Tam thừa trước là chẳng rõ biết. Tướng thế gian thường trú, pháp đó trú ngôi pháp, vì hàng Tam thừa đồng tâm nhằm chán khổ tập vui thích tu diệt đạo. Chưa rõ khổ tập vốn chỉ tín khởi, chẳng rõ diệt đạo vốn tự không tu không tạo không tác, hóa các phẩm loại như huyễn trú ở đời. Tánh tuyệt vô minh tức đó là Phật. Một niệm tương ứng một niệm Phật, một ngày tương ứng một ngày Phật, sao phải khổ chết trải qua ba A tăng-kỳ, chỉ tự rõ hiểu nghiệp ba cõi, hay không nơi nghiệp, nhập vạn tiếp sanh tức là Phật vậy. Nào phải biến đổi mới gọi là Phật. Trời rồng biến đổi đâu làm Phật ư? Hạng người ba thừa cũng biến đổi cơ sao phải đợi ba A tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật, hàng Thập địa trở lên mới được thấy tánh? Cho nên trong kinh nói: “Nếu dùng sắc tánh sức thần lớn mà muốn trông thấy đấng Điều Ngự sĩ kia, tức mắt mờ che điên đảo thấy kia, vì không biết pháp tối thắng, Phật là giác vậy. Giác nghiệp tánh chân, nghiệp không sanh diệt, không đắc không chứng, chẳng hiện chẳng mất. Tánh không biến hóa, xưa nay như như tức là Phật vậy, tùy duyên trong Lục đạo, hành hạnh Bồ-tát, biến hóa thần thông, dẫn dắt kẻ mê. Phật chẳng phải biến hóa”. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Tuy thành Chánh giác, chuyển bện xe pháp, chẳng xả bỏ đạo của Bồ-tát, đó là hạnh Bồ-tát vậy”. Do đó, Thiện Tài đồng tử là sơ tâm Thập trú ở chỗ Tỳ-kheo Đức Vân trên núi Diêu Phong được pháp môn ánh sáng trí tuệ hiện khắp, nhớ nghĩ cảnh giới của tất cả chư Phật, tức bèn thành Chánh giác, sau đó mới đến nơi các bạn đạo cầu đạo Bồ-tát hành hạnh Bồ-tát. Phải biết lúc Chánh giác thể dụng tức tâm không nơi tạo tác tức là Phật nên chẳng phải tu hành. Giả sử sẽ hành mãn cũng chẳng đời đời nay. Nên như hóa Phật lúc thị hiện thành tướng hóa, khổ hạnh chỉ ăn hạt thóc hạt mè xuống tóc mang y, bỏ các thứ trang sức tốt đẹp, mượn nhờ cỏ lá v.v... mọi sự, vì giáo hóa ngoại đạo. Trong kinh nói: Phật tự hòa hợp, chẳng phải Phật tự phải hành như vậy v.v... không kẻ tăng thượng mạn, đâu phải như vậy. Một niệm nhậm tánh vô tác, trí tuệ Phật hiện tiền, không đắc không chứng, tức là Phật vậy, trở lại như Thiện Tài đồng tử sau khi chứng giác mới cầu đạo Bồ-đề hạnh Bồ-tát. Tại sao như vậy?

Vì sau khi giác đạo mới kham vào ràng buộc, vào trong trần tục mà không ràng buộc, mới có thể vì chúng sanh nói pháp cởi mở ràng buộc. Nếu tự có ràng buộc mà hay cởi mở ràng buộc cho kẻ khác, thì điều ấy không thể có. Lúc nói có trước sau, mà pháp là chỉ một thời. Phải biết nếu muốn hành hạnh Bồ-tát, trước phải thành Chánh giác. Lại, trong kinh có kệ tụng rằng:

“Văn Thù! Pháp thường vậy”.

Vì Văn-thù là tuệ của chư Phật. Bất động trí là thể, Văn-thù là dụng, vì đem môn thể dụng căn bản trí của tất cả chư Phật tất cả chúng sanh cùng tất cả người tín tâm làm thể dụng nhân quả, khiến nương tựa gốc, mãi đến quả mãn cứu cánh cùng nhân chẳng khác, vì không hai tánh, mới gọi là tâm mới phát và tâm cứu cánh hai thứ chẳng khác biệt. Rõ ràng tâm Thập tín đây khó phát khó tin khó vào. Người nghe đó đều nói: “Ta là phàm phu, do đâu có thể được là Phật”. Nên thiết bày tin phần ít (thiểu phần tín), tức trách đạo lực thần thông. Cho nên phải biết tạm phải chánh tín như vậy, mới có thể dùng chánh tín chánh kiến pháp lực gia hạnh đúng như pháp mà tấn tu, từng phần vô minh mỏng dớt, trí tuệ giải thoát tỏ sáng, nương tựa tự được pháp cạn sâu, dần dần ngay đức dụng của thần thông tùy tự mình được tin còn chưa được hưởng gì đòi hỏi thần thông. Nói năng dần dần chẳng đổi thay một lúc một pháp tánh một trí tuệ, không nương dừng, không sở đắc, vì bên trong dần dần, vì nghĩa mười huyền sáu tướng tròn đủ đó, trong lý pháp tánh không có tiệm đốn, chỉ vì tập quán vô minh từ vô thủy chín mười rốt cùng khiến kế lý, vì khó thuần thực mà có dần dần.

Hỏi: Phật xứng nghĩa giác, giác những pháp gì?

Đáp: Pháp của không pháp, đó gọi là chân pháp, giác của không giác, đó gọi là chân giác, thì diệu tánh không nương cậy, thiên chân sáng tỏ. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

*“Pháp Phật không thể giác,
Rõ đây là giác pháp,
Chư Phật tu như vậy,
Một pháp không thể đắc”.*

Trong kinh Vô Tự Bảo Khiếp nói: “Bấy giờ Bồ-tát Thắng Tư Duy bạch Phật rằng: “Những gì một pháp là sở chứng giác tri của Như Lai?” Phật dạy: “Này thiện nam! Không có một pháp, sở giác của Như Lai. Này thiện nam! Đối với pháp không giác là Như Lai giác. Này thiện nam! Tất cả các pháp chẳng sanh mà Như Lai chứng giác. Tất cả các pháp chẳng diệt mà Như Lai chứng giác. Cho nên nếu có giác là chúng

sanh, không giác đồng với gỗ đá, đều chẳng phải chân tánh, chẳng khế hợp vô duyên. Giác của không giác mới ngang bằng Đại chỉ. Vì không giác chẳng đồng chúng sanh, vì giác chẳng như gỗ đá, thì một giác tất cả giác. Không giác không chẳng giác, không giác nên tuệ giải vắng lặng, không chẳng giác nên hư hoài sáng soi. Lại, thấy tâm thường trú, gọi đó là giác. Một thành tất cả thành, một giác tất cả giác, hết sạch nói năng tư lự, chẳng hoại giả danh, nên nói mới thành Chánh giác.

Hỏi: Lúc mới phát tâm bèn thành Chánh giác, cơ sao lại nói tâm Bồ-đề sau?

Đáp: Chẳng phải mới đầu, chẳng phải sau, chẳng lìa mới đầu và sau. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Chẳng chỉ dùng tâm mới đầu được, cũng chẳng lìa tâm mới đầu được. Tại sao? Nếu chỉ dùng tâm mới đầu được mà chẳng dùng tâm sau, thì Bồ-tát mới phát tâm, bèn nên là Phật. Nếu không tâm mới đầu, làm sao có tâm thứ hai thứ ba? Tâm thứ hai thứ ba do tâm mới đầu làm nhân duyên căn bản. Cũng chẳng chỉ tâm sau, cũng chẳng lìa tâm sau là, tâm sau đó cũng chẳng lìa tâm mới đầu. Nếu không tâm mới đầu thì không có tâm sau. Tâm mới đầu nhóm tập các thứ vô lượng công đức, tâm sau thì đầy đủ. Đầy đủ nên hay đoạn thói quen phiền não, đắc đạo Vô thượng. Tu-bồ-đề! Trong đây nói nhân duyên khó, tâm mới đầu tâm sau, tâm số pháp chẳng cùng, chẳng cùng là quá khứ đã diệt mất chẳng được hòa hợp, nếu không hòa hợp thì căn lành không nhóm tập. Căn lành không nhóm tập làm sao thành đạo Vô thượng. Phật dùng việc hiện tại thí dụ đáp, như đốt đèn. Chẳng phải riêng chỉ ánh sáng đốt cháy mới đầu, cũng chẳng lìa ánh sáng mới đầu, chẳng phải riêng chỉ ánh sáng đốt cháy sau, cũng chẳng lìa ánh sáng sau, mà đèn đốt cháy. Phật bảo: Tu-bồ-đề! Ông tự thấy đốt cháy, chẳng phải mới đầu chẳng phải sau mà đốt cháy. Ta cũng dùng mắt Phật thấy Bồ-tát đắc đạo Vô thượng. Chẳng dùng tâm mới đầu đắc, cũng chẳng lìa tâm mới đầu. Cũng chẳng dùng tâm sau đắc cũng chẳng lìa tâm sau mà đắc đạo Vô thượng. Đèn thí như đạo Bồ-tát, châm đốt thí như vô minh v.v... các thứ phiền não, ánh sáng như sơ địa tương ứng trí tuệ, cho đến Kim cang Tam-muội tương ứng trí tuệ đốt cháy ngọn lửa vô minh v.v... các phiền não, cũng chẳng phải ánh sáng trí tâm mới đầu, cũng chẳng phải ánh sáng trí tâm sau, mà vô minh v.v... các phiền não đốt cháy hết thì đắc thành đạo Vô thượng. Lại như đèn tuy niệm niệm diệt mà hay tương tục phá tối. Tâm cũng như vậy, tuy niệm niệm chẳng dùng, trước sau chẳng cùng, mà hay tương tục thành giác tuệ đó, thành đạo Vô thượng”. Trong Thanh Lương Sở nói: “Kinh Hoa Nghiêm nói

rằng: Rõ biết cảnh giới như huyễn như mộng như ảnh như hưởng cũng như biến hóa. Nếu các Bồ-tát hay cùng quán hạnh như vậy tương ứng, ở trong các pháp chẳng sanh hai thứ nhận biết, thì tất cả pháp Phật chóng được hiện tiền. Lúc mới phát tâm tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm, thành tựu tuệ thân chẳng do từ người khác khai ngộ. Phàm, tâm mới đầu làm đầu, Chánh giác làm cuối. Cớ sao tâm mới đầu bèn thành Chánh giác? Nên nói biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm, giác pháp tự tánh tức gọi là Phật. Nên trong kinh có kệ tụng rằng:

*“Phật tâm đâu có khác,
Chánh giác giác thế gian”.*

Đó là do chứng vậy, đó thì phát là phát của khai phát, chẳng phải phát của khởi phát vậy. Sao gọi là tướng của hiện tiền? Phàm, trí Phật chẳng phải sâu, tình mê gọi là xa, tình mất trí hiện thì một thể chẳng phải xa. Đã nói biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm thì biết tâm đây tức là tánh của tất cả các pháp. Nay lý hiện tự tâm, tức tánh của tâm đã đầy đủ vô biên công đức vậy. Thành tựu tuệ thân là quán pháp trên hết vậy. Chánh pháp đang hưng khởi, nay các kiến mất vậy trí Phật sao khởi? Giác tâm thì lý hiện, lý hiện thì trí viên mãn, như gương sáng sạch sanh, chẳng phải trước chẳng phải sau chẳng phải mới chẳng phải cũ, tịch chiếu trạm nhiên. Chẳng do người khác khai ngộ là thành tuệ thân trên, tức trí tự nhiên không thầy vậy. Lại, chẳng do người khác khai ngộ là tự giác vậy, biết tất cả các pháp là giác tha, thành tựu tuệ thân là giác viên mãn. Thành tựu tuệ thân hẳn nhờ lý phát hiện. Phàm, tâm tánh đâu lại có khác. Nếu thấy có khác, sao xưng là ngộ? Đã nói tâm tánh tự cũng chẳng còn, tịch mà hay biết, gọi là Chánh giác. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: “Vì một Đại sự nhân duyên nên xuất hiện nơi đời, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật”. Phàm, một tức một đạo xưa nay chẳng đổi thay. Đại là tâm thể của cả Thánh phàm mười phương chư Phật vì một Đại sự ấy mà xuất hiện nơi đời, đều khiến chúng sanh ở trong tự tâm khai mở tri kiến ấy. Nếu lập các thứ sai biệt, là tri kiến của chúng sanh, nếu dung thông quy về một đạo là tri kiến của hàng Nhị thừa. Nếu một cũng chẳng phải một là tri kiến của Bồ-tát. Còn tri kiến của Phật là ngay lúc một niệm tâm khai mở như ngàn mặt nhật đồng tỏa chiếu, chẳng đợi lại phải nói, tức là Tổ sư từ Tây Vực đến, tức là chư Phật hiện khắp. Nên nói trong từng niệm, Đức Thích-ca xuất hiện nơi đời, trong mỗi bước Đức Di-lặc hạ sanh, xứ nào ở ngoài tự tâm riêng cầu Phật tổ, thì biết chúng sanh Phật trí vốn tự đầy đủ, nếu muốn

khởi tâm riêng biệt mong cầu, tức thành tánh biến kế. Nên Lục Tổ nói: “Bản tánh tự có trí Bát-nhã, tự dùng trí tuệ quán chiếu chẳng nương giá văn tự. Nếu là như vậy, dụng nào lại lập văn tự?” Nay vì người chưa biết mượn dùng văn tự để chỉ về khiến thấy tự tánh. Nếu lúc phát minh tức là chợt nhiên trở lại được bản tâm, ở trong bản tâm không pháp nào chẳng rõ, nên nói ngộ pháp vô niệm là muôn pháp đều thông, ngộ pháp vô niệm là thấy cảnh giới của chư Phật. Vậy biết, nếu vào pháp môn vô niệm, thành Phật chẳng vượt ngoài khoảnh khắc của sát-na. Nếu khởi tâm mong cầu đạo, khổ nhọc thân ở trong số kiếp như bụi trần. Như Đức Phật Thích-ca Văn từ quá khứ vô lượng kiếp trở lại vâng thừa kính phụng cúng dường vô lượng chư Phật nhiều như số cát sông Hằng v.v... đều chẳng được ghi nhận. Tại sao? Vì nương dùng sở hành có sở đắc. Đến thời Đức Phật Nhiên Đăng, nhân hiến cúng năm cành hoa sen mới được thọ ký hiệu Thích-ca, mới thành đạt năm ấm tánh không, tâm không chỗ đắm trước, mới thấy Phật Thiên Chân, chóng vào môn vô đắc. Nên đem hoa sen hiến cúng Phật, dùng phô bày chứng minh. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

*“Tánh không tức là Phật, Không thể nghĩ
lường được,
Còn chẳng dùng liếc khởi tư lương, Hà hướng nhọc
công trọn kiếp”.*